

Số: 2399 /STC-GCS

Quảng Bình, ngày 04 tháng 8 năm 2017

Phổ: Phong K Thuết đang tài chính.

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường, công tác quản lý,
điều hành về giá tháng 7/2017

1. Tình hình giá cả thị trường tháng 7 năm 2017

Theo số liệu của Cục Thống kê Quảng Bình đến hết ngày 24/7 chỉ số giá tiêu dùng bình quân tháng 7/2017 trên thị trường tỉnh giảm 0,19% so với tháng trước và giảm 0,45% so với tháng 12 năm trước.

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 5 nhóm tăng, 4 nhóm giảm và 2 nhóm ổn định so với tháng trước, cụ thể như sau: Nhóm hàng ăn uống dịch vụ tăng 0,05%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,04%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,02%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,68%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,80%; nhóm đồ uống, thuốc lá giảm 0,20%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,10%; nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,88%; nhóm giao thông giảm 1,35%; nhóm bưu chính viễn thông và nhóm giáo dục ổn định.

Không được tính vào CPI chung, chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ trên địa bàn diễn biến trái chiều so với tháng trước, giá vàng 99,99% giảm 0,87%, giá USD tăng 0,27% so với tháng trước. Giá các mặt hàng này diễn biến theo giá chung của cả nước và giá thế giới.

Diễn biến cụ thể một số nhóm mặt hàng chủ yếu như sau:

- Nhóm Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,05%

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng so với tháng trước do giá thịt lợn, cá các loại tăng so tháng trước nguyên nhân do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng lên so với tháng trước. Nhóm rau tươi và chế biến tăng do chịu ảnh hưởng của thời tiết nắng nóng nên các loại rau, quả khó phát triển, đồng thời do một số loại rau, củ đã hết mùa vụ nên giá tăng so với tháng trước, biến động cụ thể một số mặt hàng: Cá quả loại 2 con/kg tăng bình quân khoảng 1.486 đ/kg, cá thu khúc giữa đ/kg tăng bình quân 2.742 đ/kg, thịt lợn mỡ sấn tăng bình quân khoảng 304 đ/kg, thịt lợn nạc sấn tăng bình quân khoảng 426 đ/kg, bắp cải loại 0,5-1kg/bắp tăng bình quân khoảng 927 đồng/kg, cà chua, loại 8-10 quả/kg tăng bình quân 828 đ/kg...

- Giá điện: Tháng 7, thời tiết tiếp tục nắng nóng nên nhu cầu tiêu dùng điện, nước của người dân tăng lên so tháng trước.

- Chỉ số nhóm văn hóa, giải trí và du lịch: tăng 0,68% chủ yếu do chỉ số giá nhóm du lịch trọn gói tăng 1,69% so tháng trước. Cụ thể tháng này là tháng cao điểm của mùa du lịch nên giá các loại nhà khách tăng lên 2,02% so tháng trước.

- Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,80%: Theo nghị định 47/2017/NĐ-CP từ ngày 01/7/2017 lương cơ bản của cán bộ, công chức nhà nước tăng lên 1.300.000 đồng/tháng do vậy giá dịch vụ bảo hiểm cũng được điều chỉnh theo lương. Cụ thể tháng này giá dịch vụ bảo hiểm y tế cho công chức nhà nước bậc 1 đại học là 547.560 đồng/năm tăng 7,43% so tháng trước.

- Nhà ở: Giá nhà ở tháng này giảm 1,42% so tháng trước do đang trong kỳ nghỉ hè nên giá nhà ở sinh viên giảm; đồng thời do một số nhà ở bị xuống cấp nên đã được điều chỉnh giảm giá.

- Giá ga: Ngày 01/7/2017 giá gas Petrolimex được điều chỉnh giảm 10.000 đồng/bình 12 kg nên chỉ số giá gas tháng này giảm 3,18% so tháng trước.

- Xăng, dầu: Chịu ảnh hưởng của việc điều chỉnh giá xăng dầu 02 lần vào ngày 05/7/2017 và ngày 20/7/2017 nên chỉ số giá nhóm giao thông tháng này giảm 1,35% so với tháng trước, cụ thể: xăng A95 giảm 4,36%, xăng A92 giảm 4,53%, dầu diezen giảm 1,31%.

(Có phụ lục Chỉ số giá tiêu dùng và Bảng giá cả thị trường bình quân kèm theo)

2. Công tác quản lý, điều hành giá tháng 7 năm 2017

- Phối hợp với Sở Xây dựng thông báo đơn giá gốc vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh tháng 7.

- Phối hợp với Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh Quảng Bình thực hiện Công khai minh bạch giá cả hàng hóa, dịch vụ quan trọng thiết yếu tháng 7 theo quy định.

- Cung cấp thông tin về giá, thẩm định giá mua sắm hàng hoá, tài sản cho các đơn vị mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu sự nghiệp.

- Tiếp nhận 03 hồ sơ đăng ký, kê khai giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh theo quy định.

- Tổng hợp báo cáo tình hình giá cả thị trường theo đúng quy định.

Trên đây là Báo cáo tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý, điều hành về giá tháng 7/2017 của Sở Tài chính Quảng Bình./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Giá-BTC;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính các tỉnh, TP;
- Phòng TCKH các huyện, TP;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu VT, GCS.



Lê Thị Tuyền

BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG BÌNH QUÂN THÁNG 7 NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số /STC-GCS ngày / /2017 của Sở Tài chính Quảng Bình)

TT	Mã số	Mặt hàng	ĐVT	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Tăng, giảm	
						Mức	%
1	1.001	Gạo tẻ thường Thom đen	đ/kg	12.275	12.250	-25	-0,2
2		Gạo tẻ ngon Thom Lài	đ/kg	15.208	15.191	-17	-0,1
3		Gạo tẻ ngon Thái Lan	đ/kg	24.981	24.940	-41	-0,2
4		Gạo nếp thường	đ/kg	14.743	14.743	0	0,0
5	1.004	Thịt lợn nạc thân	đ/kg	76.889	77.315	426	0,6
6	1.005	Thịt lợn mỡ sấn	đ/kg	71.991	72.295	304	0,4
7	1.006	Thịt bò thân loại 1	đ/kg	235.005	235.783	778	0,3
8	1.008	Gà ta còn sống loại 1,5kg/con	đ/kg	123.371	122.551	-820	-0,7
9	1.009	Cá quả, loại 2con/kg	đ/kg	62.174	63.660	1.486	2,4
10	1.010	Cá chép, loại 2 con/kg	đ/kg	63.130	63.724	594	0,9
11	1.012	Cá thu khúc giữa	đ/kg	223.339	226.081	2.742	1,2
12		Cá nục loại 8-10con/kg	đ/kg	28.553	28.400	-153	-0,5
13	1.013	Giò lụa, loại 1 kg	đ/kg	86.149	86.149	0	0,0
14	1.014	Bắp cải loại 0,5-1kg/bắp	đ/kg	13.089	14.016	927	7,1
15	1.015	Su hào loại 3-4 củ/kg	đ/kg	13.393	13.393	0	0,0
16	1.016	Cà chua, loại 8-10quả/kg	đ/kg	15.659	16.487	828	5,3
17	1.017	Dầu ăn thực vật	đ/lít				
18		Dầu ăn Neptune	đ/lít	41.982	41.982	0	0,0
19		Dầu ăn Maarvela	đ/lít	31.199	31.199	0	0,0
20	1.018	Muối hạt	đ/kg	6.121	6.121	0	0,0
21		Đường cát vàng nội	đ/kg	18.466	18.466	0	0,0
22	1.020	Sữa					
23		Sữa đặc hộp 380g Ông Thọ-Vinamilk	đ/kg	349.802	52.632	-297.170	-85,0
24		Sữa bột trẻ em <1 tuổi, hộp 400g DIELAC	đ/kg	348.499	348.499	0	0,0
25		Sữa bột hộp sắt 400g ENSURE	đ/kg	796.868	796.868	0	0,0
26	1.021	Bia chai HN/SG					
27		Bia chai Hà Nội 450ml	đ/lít	20.242	20.242	0	0,0
28		Bia chai Sài Gòn 300ml	đ/lít	38.218	38.218	0	0,0
29		Bia chai Heniken 300ml	đ/lít	56.667	56.667	0	0,0
30		Bia lon Heniken 300ml-500ml	đ/lít	56.667	51.470	-5.197	-9,2
31		Cocacola lon 330ml	đ/lít	27.914	27.914	0	0,0
32		Pepsi chai 300ml	đ/lít	20.369	20.369	0	0,0
33	1.025	Rượu vang nội chai 700ml Thăng Long	đ/lít	81.617	81.617	0	0,0
34	1.026	Thuốc cảm thông thường					
35		Panadol hoạt chất paracetamol 500, hộp 10 vỉ x 12	đ/vỉ	8.932	8.932	0	0,0
36		Decolgen viên nén 500mg, hộp 25 vỉ x 4 viên	đ/vỉ	11.180	11.180	0	0,0
37		Effaeralgan, hoạt chất paracetamol 500, viên nén	đ/vỉ	11.180	11.742	562	5,0
38		Lốp xe máy nội hiệu Sao Vàng	đ/chiếc	140.421	140.421	0	0,0
39		Tủ lạnh 2 cửa 170L, hiệu Toshiba	đ/chiếc	5.950.000	5.950.000	0	0,0
40		Xi măng PC40 Sông Gianh, bao 50kg	đ/kg	1.375	1.375	0	0,0
41	1.038	Thép tròn phi 6-8	đ/kg	12.316	12.294	-22	-0,2
42	1.041	Xăng A92	đ/lít	17.360	16.575	-785	-4,5
43	1.042	Dầu hỏa	đ/lít	25.118	25.005	-113	-0,4
44	1.043	Dầu Diesel	đ/lít	13.483	13.307	-176	-1,3
45	1.044	Gas bình 12kg Petrolimex	đ/kg	26.250	25.417	-833	-3,2
46	1.045	Cước ôtô liên tỉnh					
47		Vé ô tô Đông Hới-Huế 165km	đ/km	642	642	0	0,0
48		Vé ô tô Đông Hới-Đà Nẵng	đ/km	630	630	0	0,0
49		Xe buýt Đông Hới-Ba Đồn	đ/vé	24.329	24.329	0	0,0
50	1.046	Cước taxi 2-20km	đ/km	12.580	12.580	0	0,0
51	1.049	Trông giữ xe máy	đ/luợt	4.000	3.722	-278	-7,0
52	1.050	Vàng 99,99%	đ/chi	3.400.541	3.430.298	29.757	0,9
53	1.053	Đôla Mỹ	đ/đôla	22.800	22.723	-77	-0,3

(Chữ ký và dấu)



PHỤ LỤC
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 7 NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số /STC-GCS ngày / /2017 của Sở Tài chính Quảng Bình)

TT	Chỉ tiêu	Chỉ số giá tháng 7/2017 so với (%)	
		Tháng 12 năm trước	Tháng trước
I	Chỉ số giá tiêu dùng	99,55	99,81
1	Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	97,03	100,05
	<i>Lương thực</i>	100,14	99,77
	<i>Thực phẩm</i>	94,94	100,14
	<i>Ăn uống ngoài gia đình</i>	100,09	100,00
2	Đồ uống và thuốc lá	100,31	99,80
3	May mặc, mũ nón, giày dép	100,37	99,90
4	Nhà ở, điện, nước, chấp đót và VLXD	100,21	99,12
5	Thiết bị và đồ dùng gia đình	99,95	100,04
6	Thuốc và dịch vụ y tế	99,92	100,02
7	Giao thông	99,83	98,65
8	Bưu chính viễn thông	100,00	100,00
9	Giáo dục	104,49	100,00
10	Văn hoá, giải trí và du lịch	103,61	100,68
11	Hàng hoá và dịch vụ khác	101,35	100,80
II	Chỉ số giá vàng	103,17	99,13
III	Chỉ số giá Đô la Mỹ	98,78	100,27

cul

lt